

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1110/TTr-SKHCN ngày 09 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 68 thủ tục hành chính (TTHC) được chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Huế (Có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

1. Đồng bộ dữ liệu TTHC công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC của thành phố Huế theo đúng quy định; Trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC liên quan trước ngày 30/5/2025.

2. Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định số 753/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia và UBND thành phố công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Thay thế Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thay thế Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Thay thế Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bưu chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Thay thế Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của sở Khoa học và Công nghệ.

5. Thay thế Quyết định 1555/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Thay thế Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ và thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Thay thế Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

8. Thay thế Quyết định 2104/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

9. Thay thế Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

10. Thay thế Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ.

11. Thay thế Quyết định 2869/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ).

12. Thay thế Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

13. Thay thế Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

14. Thay thế Quyết định 825/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

15. Thay thế Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn Phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Trung tâm PVHCC, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HOÁ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1406 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định của UBND thành phố
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (39 TTHC)						
1.	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (3.000259)	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Công Dịch vụ công quốc gia.	Không	- Luật Thi đua Khen thưởng (Luật số 06/2022/QH15 ngày 15/06/2022). - Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21/02/2024 của Chính phủ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND thành phố.	Quyết định số 770/QĐ- UBND ngày 23/3/2020
2.	Thủ tục xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ (1.008377)	- 75 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cap cấp (hạng I); - 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ đối với xét tiếp		Không	- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch UBND thành phố Huế có thẩm quyền quyết định đối với chức danh hạng I và chức danh hạng II. - Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết	Quyết định số 1440/QĐ- UBND ngày 18/6/2020

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định của UBND thành phố
		nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II); - 45 ngày đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV).				định đối với chức danh hạng III và chức danh hạng IV.	
3.	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác (1.008379)	- 75 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ đối với xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cấp cấp (chức danh hạng I); - 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ đối với xét bổ nhiệm đặc cách chức danh nghiên	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc	Không	- Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch UBND thành phố Huế có thẩm quyền quyết định đối với chức danh hạng I và chức danh hạng II. - Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định đối với chức danh hạng III.	Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 18/6/2020

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Quyết định của UBND thành phố
		cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II); - 30 ngày đối với xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III).	Cổng Dịch vụ công quốc gia.				
4.	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (2.002709)	Không quy định	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: Chủ tịch UBND thành phố. - Cơ quan được ủy quyền: Sở Khoa học và Công nghệ.	- Quyết định 282/QĐ-UBND ngày 24/01/2025. - Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.
5.	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (2.002710)	Không quy định		Không	Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		

6.	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (2.002711)	Không quy định		Không	Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		- Quyết định 282/QĐ-UBND ngày 24/01/2025. - Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29/4/2025.
7.	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (2.002722)	Không quy định		Không	Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan, đơn vị cấp cơ sở.	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 24/01/2025
8.	Thủ tục tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (2.002723)	Không quy định	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Không	Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp cơ sở.	Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 24/01/2025
9.	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước (2.002724)	Không quy định		Không	Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 24/01/2025
10.	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (2.002502)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 16/8/2014 của Chính	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.	Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 28/6/2022

			thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		phủ.		
11.	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người (2.000079)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Theo quy định hiện hành do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
12.	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người (2.002144)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc	Theo quy định hiện hành do tổ chức, cá nhân đề nghị chi trả	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
13.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002248)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		5.000.000 đồng-10.000.000 đồng đối với các hợp đồng chuyên giao công nghệ đăng ký lần đầu thì	- Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017). - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

			Công Dịch vụ công quốc gia.	phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	phủ. - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.		
14.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002249)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc	3.000.000 đồng- 5.000.000 đồng Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn)	- Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017). - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

			nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
15.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002544)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Đầu tư (Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020). - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
16.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002546)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai,	Không	- Luật Đầu tư (Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020). - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

		chuẩn chất lượng sản phẩm: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.				
17.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) (2.002548)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	- Luật Đầu tư (Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020). - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 1555/QĐ- UBND ngày 03/7/2023
18.	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (1.012353)	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Đối với dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ phức tạp, thời hạn giải quyết có thể kéo dài thêm 20 ngày: 43 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	- Luật Đầu tư (Luật số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020). - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Quyết định số 29/2023/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan thẩm quyền phê duyet: UBND thành phố.	Quyết định số 1008/QĐ- UBND ngày 15/4/2024

19.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.011818)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tiếp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 11/9/2023
20.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (1.011820)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tiếp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 11/9/2023
21.	Đăng ký thông tin kết	05 ngày làm	a) Cách thức:	Không	- Luật Khoa học và		Quyết định

	quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.011819)	việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	số 2104/QĐ-UBND ngày 11/9/2023
22.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (1.001786)	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (nếu nộp trực tiếp). - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).		3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN của Bộ KHCN ngày 31/3/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 11/9/2023. - Quyết định 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.

					2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
23.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001770)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	1.000.000 đồng	Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 03/5/2014 của Bộ Khoa học và công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
24.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001747)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		2.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 03/5/2014 của Bộ Khoa học và công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 22/9/2023

					15/11/2016 của Bộ Tài chính.		
25.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001716)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 03/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 22/9/2023
26.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001693)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		1.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 03/5/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 03/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

					15/11/2016 của Bộ Tài chính.		
27.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.001677)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	1.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 03/5/2014 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 03/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 22/9/2023
28.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011814)	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	- Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017). - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND thành phố.	Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 11/9/2023
29.	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến (1.011815)	25 ngày làm việc kể từ ngày	a) Cách thức: Nộp trực tiếp	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số		Quyết định số 2102/QĐ-

		nhận được hồ sơ hợp lệ.	hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		07/2017/QH14 ngày 19/6/2017). - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		UBND ngày 11/9/2023
30.	Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực (1.011816)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	- Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017). - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND thành phố.	Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 11/9/2023
31.	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (2.001143)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2018). - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày		Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 13/12/2024

					15/5/2018 của Chính phủ.		
32.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (2.001137)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2018). - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 ngày của Bộ Khoa học và Công nghệ.		Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 13/12/2024
33.	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ (1.002690)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2018). - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ. - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND thành phố.	Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 13/12/2024

			(Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống		15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
34.	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (2.001643)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2018). - Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
35.	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (1.006427)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ. - Thông tư 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

			(Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
36.	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2.001179)	- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối xác nhận phải có văn bản nêu rõ lý do.		Không	- Luật Thuế xuất nhập khẩu (Luật số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016). - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND thành phố Huế.	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
37.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2.002278)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp kết quả khoa học và công nghệ có liên quan đến nhiều	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

		ngành, lĩnh vực khác nhau có nội dung phức tạp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.				
38.	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2.001525)	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá,	Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

		chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.				
39.	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011812)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	- Luật Khoa học và công nghệ (Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013). - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: UBND thành phố	Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 11/9/2023
II Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân (07 TTHC)							
40.	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) (2.002379)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá,	200.000 đồng	- Luật Năng lượng nguyên tử (Luật số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008). - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023. - Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2023.

			TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		- Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
41.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002380)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống	+ Thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chẩn đoán thông	- Luật Năng lượng nguyên tử (Luật số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008). - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế. - Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023. - Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2023.

			thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị.	Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
42.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002381)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc	+ Thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-	- Luật Năng lượng nguyên tử (Luật số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008). - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế. - Thông tư số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023. - Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2023.

			nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị.	13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
43.	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002382)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh,	+ Thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang di động: 2.000.000	- Luật Năng lượng nguyên tử (Luật số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008). - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023. - Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2023.

			Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị.	Công nghệ và Bộ Y tế. - Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
44.	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002383)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử (Luật số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008). - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023. - Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2023.

			(Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế. - Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
45.	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002384)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá,	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử (Luật số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008). - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023. - Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2023.

			TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		- Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
46.	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002385)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử (Luật số 18/2008/QH12 ngày 03/6/2008). - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế. - Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023. - Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2023.

			thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Công Dịch vụ công quốc gia.		Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
III Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (12 TTHC)							
47.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận (2.001209)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	150.000 đồng	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006. - Luật số 05/2007/QH12 của Quốc hội: Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định 127/2007/NĐ - CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ. - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Thông tư số	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

			thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính.		
48.	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (2.001207)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	150.000 đồng	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định 127/2007/NĐ - CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ. - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ- UBND ngày 23/3/2020

					02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính.		
49.	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành (2.001277)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	150.000 đồng	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định 127/2007/NĐ - CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ. - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ- UBND ngày 23/3/2020

					183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.		
50.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân (2.002253)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không	- Luật 47/2005/QH11 - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007; - Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15/6/2022 (hiệu lực 01/01/2024). - Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ. - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN ngày 03/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg 28/7/2010 của Thủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020

					tướng Chính phủ.		
51.	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (2.001208)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ		Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ.	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
52.	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (2.001100)	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 26,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống	Không	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Luật 05/2007/QH12 của Quốc hội: Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.

			thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Công Dịch vụ công quốc gia.		09/11/2018 của Chính phủ.		
53.	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (2.001501)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ		Không	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Luật 05/2007/QH12 của Quốc hội: Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
54.	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (2.001259)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống	Không	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Luật 05/2007/QH12 của Quốc hội: Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 130/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 02/4/2024

			thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.		09/12/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ. - Thông tư 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
55.	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (1.001392)	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).		Không	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Luật 68/2006/QH11 của Quốc hội: Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.

					- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ. - Thông tư 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ.		
56.	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia (2.001269)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ	Không	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 29/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2019/TT-BKHCN ngày 26/12/2019 của Bộ khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 23/3/2020
57.	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng (2.000212)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ	Không	- Luật Đo lường năm 2011; - Nghị định số	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày

		đề nghị hợp lệ	công quốc gia.		86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ. - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ.		26/11/2020
58.	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng (1.000449)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ		Không	- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Luật Đo lường ngày 11/11/2011. - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 09/12/2011 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 26/11/2020
IV Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (03 TTHC)							
59.	Thủ tục cấp lại Giấy	20 ngày làm	a) Cách thức:	250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ	- Cơ quan trực	Quyết định

	chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011938)	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.		(Luật số 50/2005/QH11 ngày 12/5/2005). - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ.	tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố.	số 2434/QĐ-UBND ngày 16/10/2023
60.	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011939)	90 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ	b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Không			Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 16/10/2023
61.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (1.011937)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ		250.000 đồng			Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 16/10/2023
V Lĩnh vực Bưu chính (07 TTHC)							
62.	Cấp giấy phép bưu chính (1.003659)	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai,	- Trường hợp thẩm định cấp phép lần đầu: 10.750.000 đồng. - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp:	- Luật Bưu chính (Luật số 49/2010/QH12 ngày 28/6/2010). - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 24/5/2022. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.

			P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	4.250.000 đồng. - Trường hợp mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ nội thành phố: 2.750.000 đồng. - Trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép: 750.000 đồng.	- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính.		
63.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép buru chính (1.003687)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).				Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 24/5/2022. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.
64.	Cấp lại giấy phép buru chính khi hết hạn (1.003633)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ buru chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ	Phí thẩm định 5.375.000 đồng.		Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 24/5/2022. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.
65.	Cấp lại giấy phép buru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (1.004379)	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).	(Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ	Phí thẩm định 500.000 đồng.	- Luật Buru chính (Luật số 49/2010/QH12 ngày 28/6/2010). - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ. - Nghị định số 25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 24/5/2022. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.

			công quốc gia.		phủ.		
66.	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (1.004470)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).	a) Cách thức: Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến. b) Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Số 01 Lê Lai, P. Vĩnh Ninh, Q. Thuận Hoá, TP. Huế) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia.	- Trường hợp tự cung ứng dịch vụ phạm vi nội thành phố: 1.250.000 đồng. - Trường hợp với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam: 1.000.000 đồng. - Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp do mua bán, sáp nhập doanh nghiệp: 1.250.000 đồng.	- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính.	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 24/5/2022. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.
67.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (1.005442)	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ		- Trường hợp cấp lại Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính nội tỉnh khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng	- Luật Bưu chính (Luật số 49/2010/QH12 ngày 28/6/2010). - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ. - Nghị định số	Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 24/5/2022. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.

		(nếu nộp trực tuyến).		được: 500.000 đồng. - Trường hợp cấp lại Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính cho chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính được thành lập theo pháp luật Việt Nam khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được: 500.000 đồng.	25/2022/NĐ-CP ngày 12/4/2022 của Chính phủ. - Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính.		
68.	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (1.010902)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ. - 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ (nếu nộp trực tuyến).		Không		Sở Khoa học và Công nghệ	- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 24/5/2022. - Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 24/5/2023.